

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN PHỤ CẤP THEO LƯƠNG
CÁC KHOẢN TRÍCH NỢP THEO LƯƠNG (2.340.000)

Tháng 02 năm 2026
(Kèm theo Thông báo số: /TB-TTHN ngày tháng 02 năm 2026)

ĐVT: đồng																				
STT	Họ và tên	Mã ngạch	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp chức vụ	Phụ cấp độc hại	Phụ cấp trách nhiệm	% PCTNV K	Phụ cấp TNVK	% PCƯĐN	Phụ cấp Ưu đãi nghề	Cộng hệ số	Tiền lương tháng	Số tiền nghỉ ốm đau, thai	Tổng tiền các khoản phải trừ nghỉ ốm đau, TS	Nghỉ việc không được hưởng các khoản lương và PC khác	BHXH	BHYT	BHTN	Số thực lĩnh	Ghi chú
													Lương			Trừ vào lương (8%)	Trừ vào lương (1,5%)	Trừ vào lương (1%)		
A	B	C	1	2	6	7	8	9	10	11	12	13	14	17	18	20	22	24	26	D
	Phần I		175,79	4,60	5,60	1,60	0,05	0,25	17,50	69,78	257,62	602.824.482	0	0	2.551.713	33.814.685	6.340.254	4.226.836	555.890.994	
1	Trần Hữu Vinh	V.08.01.02	6,10	0,70					20%	1,36	8,16	19.094.400	0	0		1.272.960	238.680	159.120	17.423.640	
2	Nguyễn Hoàng	V.08.01.03	4,98	0,60					40%	2,23	7,81	18.280.080	0	0		1.044.576	195.858	130.572	16.909.074	
3	Huỳnh Hiền	V.08.05.12	4,32	0,30					20%	0,92	5,54	12.972.960	0	0	0	864.864	162.162	108.108	11.837.826	
4	Lê Văn Toàn	V.11.06.14	3,99						20%	0,80	4,79	11.203.920	0	0		746.928	140.049	93.366	10.223.577	
5	Bùi Thị Thanh Huyền Thảo	V.01.02.03	3,26		0,20				20%	0,65	4,11	9.622.080	0	0	0	610.272	114.426	76.284	8.821.098	
6	Nguyễn Xuân Trường	V.06.031	4,32	0,40		0,20			20%	0,94	5,86	13.721.760	0	0	0	883.584	165.672	110.448	12.562.056	
7	Cao Thanh Sang	V.06.031	3,99	0,30					20%	0,86	5,15	12.046.320	0	0	0	803.088	150.579	100.386	10.992.267	
8	Trần Thị Bích Phương	V.06.031	3,99						20%	0,80	4,79	11.203.920	0	0	0	746.928	140.049	93.366	10.223.577	
9	Nguyễn Thủy Kiều	V.06.032	3,65						20%	0,73	4,38	10.249.200	0	0	0	683.280	128.115	85.410	9.352.395	
10	Nguyễn Thị Kim Định	V.06.031	3,00						20%	0,60	3,60	8.424.000	0	0	0	561.600	105.300	70.200	7.686.900	
11	Phan Thị Hiền Lương	V.06.031	3,00						20%	0,60	3,60	8.424.000	0	0	0	561.600	105.300	70.200	7.686.900	
12	Nguyễn Thị Thanh Sương	V.06.032	3,34			0,10			20%	0,67	4,11	9.612.720	0	0		625.248	117.234	78.156	8.792.082	
13	Huỳnh Thị Yến Vi	V.06.032	1,79						0%	0,00	1,79	4.176.900	0	0	0	334.152	62.654	41.769	3.738.325	
	Cộng		49,73	2,30	0,20	0,30	0,00	0,00	2,60	11,16	63,69	149.032.260	0	0	0	9.739.080	1.826.078	1.217.385	136.249.717	
14	Lê Văn Mẫn	V.08.05.12	3,99	0,30	0,20				60%	2,57	7,06	16.529.760	0	0	55.714	803.088	150.579	100.386	15.419.993	P 2,5 ngày
15	Huỳnh Thị Lương	V.08.05.13	3,65		0,20	0,30	0,0000		60%	2,19	6,34	14.835.600	0	0	0	683.280	128.115	85.410	13.938.795	
16	Huỳnh Văn Tuất	V.08.01.03	3,66							0,00	3,66	8.564.400	0	0	0	685.152	128.466	85.644	7.665.138	Đi học
17	Nguyễn Thị Ban	V.08.05.13	3,65		0,20	0,30			60%	2,19	6,34	14.835.600	0	0	0	683.280	128.115	85.410	13.938.795	
18	Trịnh Thị Thủy Nga	V.08.05.13	3,65		0,20	0,30			60%	2,19	6,34	14.835.600	0	0	0	683.280	128.115	85.410	13.938.795	
19	Huỳnh Văn Văn	V.08.07.18	4,32						50%	2,16	6,48	15.163.200	0	0	0	808.704	151.632	101.088	14.101.776	
20	Trịnh Như Hoa	V.08.05.12	4,32						40%	1,73	6,05	14.152.320	0	0	0	808.704	151.632	101.088	13.090.896	
21	Nguyễn Bá Tông	V.08.05.12	3,99	0,30					40%	1,72	6,01	14.054.040	0	0	0	803.088	150.579	100.386	12.999.987	
22	Nguyễn Thị Anh Tiến	V.08.05.12	3,99		0,20				40%	1,60	5,79	13.539.240	0	0	44.571	746.928	140.049	93.366	12.514.326	P 2 ngày
23	Lê Nhất Linh	V.08.05.13	3,65		0,20				40%	1,46	5,31	12.425.400	0	0	0	683.280	128.115	85.410	11.528.595	

24	Nguyễn Thị Kim Huệ	V.08.06.16	3,34			0,10			40%	1,34	4,78	11.175.840	0	0	0	625.248	117.234	78.156	10.355.202	
25	Nguyễn Thị Phương	V.08.06.15	3,66			0,10			40%	1,46	5,22	12.224.160	0	0	0	685.152	128.466	85.644	11.324.898	
26	La Thị Dũng	V.08.06.15	3,99		0,20	0,10			40%	1,60	5,89	13.773.240	0	0	44.571	746.928	140.049	93.366	12.748.326	P 2 ngày
27	Phạm Thị Thuý Thu	V.08.06.15	3,66		0,20	0,10			40%	1,46	5,42	12.692.160	0	0	89.143	685.152	128.466	85.644	11.703.755	P 4 ngày
28	Trần Thị Thường	V.08.06.15	3,99	0,30	0,20				40%	1,72	6,21	14.522.040	0	0	133.714	803.088	150.579	100.386	13.334.273	P 6 ngày
29	Huỳnh Thị Thu Hiền	V.08.05.12	3,99	0,30	0,20				40%	1,72	6,21	14.522.040	0	0	468.000	803.088	150.579	100.386	12.999.987	
30	Nguyễn Thị Tánh	V.08.05.12	3,66		0,20				40%	1,46	5,32	12.458.160	0	0	378.857	685.152	128.466	85.644	11.180.041	Tr 4 ngày
31	Nguyễn Thị Kim Phương	V.08.05.12	3,66		0,20				40%	1,46	5,32	12.458.160	0	0	378.857	685.152	128.466	85.644	11.180.041	Tr 4 ngày
32	Nguyễn Thị Lê Thủy	V.08.06.16	3,65		0,20	0,00			40%	1,46	5,31	12.425.400	0	0	378.857	683.280	128.115	85.410	11.149.738	Tr 4 ngày
33	Lê Thị Thuý Cẩm	V.08.01.02	5,08	0,40	0,20				50%	2,74	8,42	19.702.800	0	0	66.857	1.025.856	192.348	128.232	18.289.507	H 3 ngày
34	Trần Thị Mỹ Lân	V.08.05.13	3,96						50%	1,98	5,94	13.899.600	0	0	0	741.312	138.996	92.664	12.926.628	
35	Nguyễn Thị Nở	V.08.05.13	3,65						50%	1,83	5,48	12.811.500	0	0	0	683.280	128.115	85.410	11.914.695	
36	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	V.08.05.13	3,66		0,20				40%	1,46	5,32	12.458.160	0	0	0	685.152	128.466	85.644	11.558.898	
37	Trịnh Thị Mỹ Luân	V.08.05.13	3,65		0,20				40%	1,46	5,31	12.425.400	0	0	111.429	683.280	128.115	85.410	11.417.166	P 5 ngày
38	Dương Thành Tứ	V.08.01.03	4,98	0,30	0,40		5%	0,2490	70%	3,87	9,80	22.930.362	0	0	0	1.035.029	194.068	129.379	21.571.886	
39	Nguyễn Thị Ngọc Hồng	V.08.05.12	3,66		0,40				60%	2,20	6,26	14.639.040	0	0	401.143	685.152	128.466	85.644	13.338.635	P 9 ngày
40	Võ Thị Lành	V.08.05.13	3,65		0,40				60%	2,19	6,24	14.601.600	0	0	0	683.280	128.115	85.410	13.704.795	
41	Lê Thị Mỹ	V.08.05.13	3,65		0,40				60%	2,19	6,24	14.601.600	0	0	0	683.280	128.115	85.410	13.704.795	
42	Nguyễn Trung Thành	V.08.01.03	3,99	0,40					40%	1,76	6,15	14.381.640	0	0	0	821.808	154.089	102.726	13.303.017	
43	Nguyễn Thị Phương	V.08.05.13	3,34						40%	1,34	4,68	10.941.840	0	0	0	625.248	117.234	78.156	10.121.202	
44	Đỗ Thị Ngọc Hiền	V.08.08.22	2,34						40%	0,94	3,28	7.665.840	0			438.048	82.134	54.756	7.090.902	
45	Nguyễn Hồng Quang	V.08.07.18	3,99		0,20				40%	1,60	5,79	13.539.240	0	0	0	746.928	140.049	93.366	12.558.897	
46	Trần Hoà Phương	V.08.07.18	3,99		0,40				40%	1,60	5,99	14.007.240	0	0	0	746.928	140.049	93.366	13.026.897	
	Cộng		126,06	2,30	5,40	1,30	0,05	0,25	14,90	58,62	193,93	453.792.222	0	0	2.551.713	24.075.605	4.514.176	3.009.451	419.641.277	
	Phần II		195,91	7,30	5,20	2,70	0,07	0,35	20,50	80,73	292,19	683.712.994	0	0	1.337.142	38.106.357	7.144.942	4.763.294	632.361.259	
47	Lưu Kim Hoàng	V.08.01.02	4,74	0,60					40%	2,14	7,48	17.493.840	0	0	0	999.648	187.434	124.956	16.181.802	
48	Nguyễn Thị Kim Luyến	V.08.05.12	3,66						40%	1,46	5,12	11.990.160	0	0	0	685.152	128.466	85.644	11.090.898	
49	Đỗ Minh Mẫn	V.08.04.10	3,66						20%	0,73	4,39	10.277.280	0	0	0	685.152	128.466	85.644	9.378.018	
50	Phùng Thị Bích Thủy	V.08.06.16	4,27						40%	1,71	5,98	13.988.520	0	0	0	799.344	149.877	99.918	12.939.381	
51	Nguyễn Thị Thanh Ly	V.05.02.07	3,00						20%	0,60	3,60	8.424.000	0	0	0	561.600	105.300	70.200	7.686.900	
52	Võ Thị Hồng Nga	V.08.06.15	3,99	0,40					20%	0,88	5,27	12.327.120	0	0	0	821.808	154.089	102.726	11.248.497	
53	Nguyễn Thị Tiếng	V.08.05.12	3,66						40%	1,46	5,12	11.990.160	0	0	0	685.152	128.466	85.644	11.090.898	
54	Nguyễn Thị Loan	V.08.05.12	3,99						40%	1,60	5,59	13.071.240	0	0	0	746.928	140.049	93.366	12.090.897	
55	Nguyễn Thị Ngọc Hương	V.09.04.03	1,92							0,00	1,92	4.495.140	0	0	0	359.611	67.427	44.951	4.023.151	
56	Lê Thị Diễm My	01.003	3,33						20%	0,67	4,00	9.350.640	0	0	0	623.376	116.883	77.922	8.532.459	

57	Đặng Thị Kim Thi	02.007	3,00						20%	0,60	3,60	8.424.000	0	0	0	561.600	105.300	70.200	7.686.900	
58	Đinh Văn Đắt	01.003	2,34						20%	0,47	2,81	6.570.720	0	0	0	438.048	82.134	54.756	5.995.782	
59	Huỳnh Văn Chương	01.003	2,34						20%	0,47	2,81	6.570.720	0	0	0	438.048	82.134	54.756	5.995.782	
60	Trần Thị Thủy Song	V06.031	3,66						20%	0,73	4,39	10.277.280	0	0	0	685.152	128.466	85.644	9.378.018	
61	Nguyễn Thị Ánh Duyên	V.06.032	3,65						20%	0,73	4,38	10.249.200	0	0		683.280	128.115	85.410	9.352.395	
	Cộng		51,21	1,00	0,00	0,00	0,00	0,00	3,80	14,24	66,45	155.500.020	0	0	0	9.773.899	1.832.606	1.221.737	142.671.778	
62	Nguyễn Công Tráng	V.08.01.02	5,08	0,40	0,20				60%	3,29	8,97	20.985.120	0	0	0	1.025.856	192.348	128.232	19.638.684	
63	Trần Văn Thu	V.08.01.02	5,08	0,30	0,20				60%	3,23	8,81	20.610.720	0	0	55.714	1.007.136	188.838	125.892	19.233.140	P 2,5 ngày
64	Nguyễn Thị Bích Hạnh	V.08.01.03	2,67							0,00	2,67	6.247.800	0	0	0	499.824	93.717	62.478	5.591.781	Đi học
65	Trương Thị Thuý Giang	V.08.01.03	2,67							0,00	2,67	6.247.800	0	0	0	499.824	93.717	62.478	5.591.781	Đi học
66	Lê Thị Thanh Tâm	V.08.05.13	3,66		0,20	0,30			60%	2,20	6,36	14.873.040	0	0	0	685.152	128.466	85.644	13.973.778	
67	Trương Thị Dư	V.08.05.13	3,65		0,20	0,30			60%	2,19	6,34	14.835.600	0	0	0	683.280	128.115	85.410	13.938.795	
68	Phan Thanh Tài	V.08.05.12	3,00		0,20	0,30			60%	1,80	5,30	12.402.000	0	0	0	561.600	105.300	70.200	11.664.900	
69	Phan Thị Thanh Nguyệt	V.08.05.13	3,34		0,20	0,30			60%	2,00	5,84	13.674.960	0	0	0	625.248	117.234	78.156	12.854.322	
70	Nguyễn Thị Mỹ	V.08.05.13	2,41		0,20	0,30			60%	1,45	4,36	10.193.040	0	0	0	451.152	84.591	56.394	9.600.903	
71	Đinh Thị Mỹ Hân	V.08.05.12	2,34		0,20	0,30			60%	1,40	4,24	9.930.960	0	0	0	438.048	82.134	54.756	9.356.022	
72	Lưu Thị Nga	V.08.05.13	3,96		0,20	0,30			60%	2,38	6,84	15.996.240	0	0	0	741.312	138.996	92.664	15.023.268	
73	Lâm Thị Thu Thuý	V.08.05.13	2,41		0,20	0,30			60%	1,45	4,36	10.193.040	0	0	0	451.152	84.591	56.394	9.600.903	
74	Trần Xuân Tín	V.08.05.13	2,10			0,30			60%	1,26	3,66	8.564.400	0	0	0	393.120	73.710	49.140	8.048.430	
75	Đặng Anh Tuyền	V.08.01.03	4,98	0,40	0,20		7%	0,3486	40%	2,29	8,22	19.234.894	0	0	44.571	1.072.394	201.074	134.049	17.782.806	P 2 ngày
76	Lưu Trọng Ánh	V.08.01.03	3,00		0,20				40%	1,20	4,40	10.296.000	0	0	0	561.600	105.300	70.200	9.558.900	
77	Đỗ Thị Ngọc Hào	V.08.05.12	3,33		0,20				40%	1,33	4,86	11.377.080	0	0	0	623.376	116.883	77.922	10.558.899	
78	Nguyễn Thị Mộng Thúy	V.08.05.12	3,66		0,20				40%	1,46	5,32	12.458.160	0	0	44.571	685.152	128.466	85.644	11.514.327	P 2 ngày
79	Phạm Hùng Vương	V.08.03.03	3,66						40%	1,46	5,12	11.990.160	0	0	0	685.152	128.466	85.644	11.090.898	
80	Nguyễn Văn Chí	V.08.01.03	3,33	0,30	0,20				50%	1,82	5,65	13.209.300	0	0	0	679.536	127.413	84.942	12.317.409	
81	Nguyễn Thanh Mai	V.08.01.03	3,33	0,30					40%	1,45	5,08	11.891.880	0	0	0	679.536	127.413	84.942	10.999.989	
82	Trương Thị Kim Chi	V.08.05.12	3,66		0,20				40%	1,46	5,32	12.458.160	0	0	66.857	685.152	128.466	85.644	11.492.041	P 3 ngày
83	Đinh Văn Phong	V.08.05.12	3,66						50%	1,83	5,49	12.846.600	0	0	0	685.152	128.466	85.644	11.947.338	
84	Lê Thị Thanh Tuyền	V.08.05.12	3,99						50%	2,00	5,99	14.004.900	0	0	0	746.928	140.049	93.366	13.024.557	
85	Phùng Thị Mai Loan	V.08.01.02	5,42	0,40	0,20			0,0000	40%	2,33	8,35	19.534.320	0	0	0	1.089.504	204.282	136.188	18.104.346	
86	Trần Thị An	V.08.01.02	5,42	0,30	0,20				40%	2,29	8,21	19.206.720	0	0	0	1.070.784	200.772	133.848	17.801.316	
87	Huỳnh Thị Kim Xuyên	V.08.06.15	4,98	0,30					40%	2,11	7,39	17.297.280	0	0	0	988.416	185.328	123.552	15.999.984	
88	Nguyễn Thanh Đình	V.08.01.02	4,74	0,40	0,20				40%	2,06	7,40	17.306.640	0	0	378.857	962.208	180.414	120.276	15.664.885	Tr 4 ngày
89	Ngô Thị Mơ	V.08.01.03	3,99	0,30	0,20				40%	1,72	6,21	14.522.040	0	0	423.429	803.088	150.579	100.386	13.044.558	Tr 2 ngày

90	La Thị Nhân	V.08.01.03	3,99	0,30	0,20				40%	1,72	6,21	14.522.040	0	0	0	803.088	150.579	100.386	13.467.987	
91	Nguyễn Trần Khoa	V.08.05.12	3,66	0,30	0,20				40%	1,58	5,74	13.440.960	0	0	66.857	741.312	138.996	92.664	12.401.131	P 3 ngày
92	Nguyễn Thị Hà	V.08.05.12	3,99	0,30	0,40				60%	2,57	7,26	16.997.760	0	0	0	803.088	150.579	100.386	15.943.707	
93	Nguyễn Thị Thanh Nga	V.08.01.03	3,66						40%	1,46	5,12	11.990.160	0	0	0	685.152	128.466	85.644	11.090.898	
94	Trần Thị Hiệp	V.08.05.12	3,66	0,30					40%	1,58	5,54	12.972.960	0	0	0	741.312	138.996	92.664	11.999.988	
95	Cao Thanh Toàn	V.08.08.22	3,99	0,40					40%	1,76	6,15	14.381.640	0	0	0	821.808	154.089	102.726	13.303.017	
96	Nguyễn Thị Minh Hiếu	V.08.05.11	4,74	0,30					40%	2,02	7,06	16.511.040	0	0	0	943.488	176.904	117.936	15.272.712	
97	Trần Thị Thu Tiết	V.08.07.18	3,33	0,30	0,20					0,00	3,83	8.962.200	0	0	245.143	679.536	127.413	84.942	7.825.166	H 9 ngày, Ct 2 ngày
98	Huỳnh Hữu Phước	V.08.01.02	4,74	0,30	0,10				40%	2,02	7,16	16.745.040	0	0	0	943.488	176.904	117.936	15.506.712	
99	Nguyễn Đình Dũng	V.08.01.02	5,42	0,40	0,10				40%	2,33	8,25	19.300.320	0	0	11.143	1.089.504	204.282	136.188	17.859.203	P 1 ngày
	Cộng		144,70	6,30	5,20	2,70	0,07	0,35	16,70	66,48	225,73	528.212.974	0	0	1.337.142	28.332.458	5.312.336	3.541.557	489.689.481	
	Phần I+Phần II		371,70	11,90	10,80	4,30	0,12	0,60	38,00	150,51	549,80	1.286.537.476	0	0	3.888.855	71.921.042	13.485.196	8.990.130	1.188.252.253	
100	Nguyễn Thị Kim Ngọc	V.08.05.13	2,10		0,20				40%	0,84	3,14	7.347.600	0	0	0	393.120	73.710	49.140	6.831.630	
101	Phạm Thị Lệ	V.08.05.13	2,41						40%	0,96	3,37	7.895.160	0	0	0	451.152	84.591	56.394	7.303.023	
102	Phạm Thị Út Trinh	V.08.01.03	3,00		0,20	0,10			40%	1,20	4,50	10.530.000	0	0	22.286	561.600	105.300	70.200	9.770.614	P 1 ngày
103	Nguyễn Thị Cẩm Thi	V.08.06.15	3,66		0,20	0,10			40%	1,46	5,42	12.692.160	0	0	22.286	685.152	128.466	85.644	11.770.612	P 1 ngày
104	Nguyễn Thị Hương	V.08.06.16	3,65			0,10			40%	1,46	5,21	12.191.400	2.135.250	2.135.250	0	683.280	128.115	85.410	9.159.345	Ô 6 ngày
105	Đinh Thị Thôm	V.08.06.15	3,66			0,10			40%	1,46	5,22	12.224.160	0	0	0	685.152	128.466	85.644	11.324.898	
106	Nguyễn Thị Thanh Thuý	V.08.06.15	3,99		0,20	0,10			40%	1,60	5,89	13.773.240	0	0	11.143	746.928	140.049	93.366	12.781.754	P 0,5 ngày
107	Nguyễn Thị Lâm	V.08.06.15	3,66			0,10			40%	1,46	5,22	12.224.160	0	0	0	685.152	128.466	85.644	11.324.898	
108	Nguyễn Thị Bích Nhị	V.08.06.16	4,06				11%	0,4466	40%	1,80	6,31	14.763.622	0	0	0	843.636	158.182	105.454	13.656.350	
109	Nguyễn Thị Thanh Trà	V.08.06.15	4,32			0,10			40%	1,73	6,15	14.386.320	0	0	0	808.704	151.632	101.088	13.324.896	
110	Nguyễn Thị Tuyết	V.08.06.15	3,66			0,10			40%	1,46	5,22	12.224.160	0	0	0	685.152	128.466	85.644	11.324.898	
111	Nguyễn Thị Thuý	V.08.06.15	3,66			0,10			40%	1,46	5,22	12.224.160	0			685.152	128.466	85.644	11.324.898	
112	Nguyễn An Khanh	V.08.01.03	4,98		0,20				40%	1,99	7,17	16.782.480	0	0	423.429	932.256	174.798	116.532	15.135.465	Tr 2 ngày
113	Nguyễn Thị Thu Hằng	V.08.05.13	2,72		0,20				40%	1,09	4,01	9.378.720	0	0	401.143	509.184	95.472	63.648	8.309.273	Tr 3 ngày
114	Phú Thị Bích Liên	V.08.05.12	3,00		0,20				40%	1,20	4,40	10.296.000	0	0	401.143	561.600	105.300	70.200	9.157.757	Tr 3 ngày
115	Lê Thị Mỹ Diễm	V.08.05.12	3,66		0,20				40%	1,46	5,32	12.458.160	0	0	378.857	685.152	128.466	85.644	11.180.041	Tr 4 ngày
116	Phạm Thị Loan	V.08.05.12	3,66		0,20				40%	1,46	5,32	12.458.160	0	0	401.143	685.152	128.466	85.644	11.157.755	Tr 3 ngày
117	Trương Thị Bích Phượng	V.08.05.13	2,72		0,20				40%	1,09	4,01	9.378.720	0	0	378.857	509.184	95.472	63.648	8.331.559	Tr 4 ngày
118	Lê Thị Thu Hiền	V.08.05.13	2,41		0,20				40%	0,96	3,57	8.363.160	0	0	468.000	451.152	84.591	56.394	7.303.023	
119	Thái Thị Hồng Nhi	V.08.01.03	2,34						50%	1,17	3,51	8.213.400	0		0	438.048	82.134	54.756	7.638.462	
120	Nguyễn Thị Lạc	V.08.05.13	3,65						50%	1,83	5,48	12.811.500	0	0	0	683.280	128.115	85.410	11.914.695	
121	Lê Thị Tuyết Trang	V.08.05.13	3,34		0,20				40%	1,34	4,88	11.409.840	0	0	0	625.248	117.234	78.156	10.589.202	

122	La Thị Kiều Diễm	V.08.05.12	3,00						50%	1,50	4,50	10.530.000	0	0	0	561.600	105.300	70.200	9.792.900	
123	Nguyễn Thị Minh Khả	V.08.05.12	3,99		0,20				40%	1,60	5,79	13.539.240	0		133.714	746.928	140.049	93.366	12.425.183	P 6 ngày
124	Nguyễn Thị Đào	V.08.05.13	3,65		0,20				50%	1,83	5,68	13.279.500	0	0	133.714	683.280	128.115	85.410	12.248.981	P 6 ngày
125	Trần Thị Nhân	V.08.05.13	2,10						40%	0,84	2,94	6.879.600	0	0	0	393.120	73.710	49.140	6.363.630	
126	Phan Thị Sáu	V.08.01.03	4,32		0,40				70%	3,02	7,74	18.120.960	0	0	0	808.704	151.632	101.088	17.059.536	
127	Võ Thị Tuyết Nhung	V.08.05.13	4,27		0,40				70%	2,99	7,66	17.922.060	0	0	0	799.344	149.877	99.918	16.872.921	
128	Nguyễn Thị Luyến	V.08.05.13	2,41						40%	0,96	3,37	7.895.160	0	0	0	451.152	84.591	56.394	7.303.023	
129	Nguyễn Thị Mơ	V.08.05.13	2,41						40%	0,96	3,37	7.895.160	0	0	0	451.152	84.591	56.394	7.303.023	
130	Nguyễn Thị Ngọc Bích	V.08.03.07	3,26						40%	1,30	4,56	10.679.760	0	0	0	610.272	114.426	76.284	9.878.778	
131	Nguyễn Cảnh Lễ	V.08.01.03	4,32						40%	1,73	6,05	14.152.320	0	0	0	808.704	151.632	101.088	13.090.896	
132	Võ Thị Hồng Nhung	V.08.07.19	3,03						40%	1,21	4,24	9.926.280	0	0	0	567.216	106.353	70.902	9.181.809	
133	Phan Công Hồng	V.08.07.18	3,33							0,00	3,33	7.792.200	0		0	623.376	116.883	77.922	6.974.019	Đi học, giám PC/ĐN
134	Trần Thị Đưa	V.08.07.19	3,03							0,00	3,03	7.090.200	0		0	567.216	106.353	70.902	6.345.729	Đi học, giám PC/ĐN
135	Trần Bền Thom	V.08.01.03	2,34						40%	0,94	3,28	7.665.840	0		0	438.048	82.134	54.756	7.090.902	
136	Nguyễn Tấn Phương	V.05.02.08	3,26		0,20				20%	0,65	4,11	9.622.080	0	0	133.714	610.272	114.426	76.284	8.687.384	P 6 ngày
137	Nguyễn Thị Kim Cúc	V.08.08.23	4,32		0,20				40%	1,73	6,25	14.620.320	0	0	0	808.704	151.632	101.088	13.558.896	
138	Nguyễn Thị Hằng	V.08.08.23	3,65						40%	1,46	5,11	11.957.400	0	0	0	683.280	128.115	85.410	11.060.595	
139	Thái Thị Sương	V.08.08.23	3,34						40%	1,34	4,68	10.941.840	0	0	0	625.248	117.234	78.156	10.121.202	
140	Trần Quang Thành	V.08.08.23	3,66						40%	1,46	5,12	11.990.160	0	0	0	685.152	128.466	85.644	11.090.898	
141	Võ Thị Kim Phương	V.08.08.23	3,33						40%	1,33	4,66	10.909.080	0	0	0	623.376	116.883	77.922	10.090.899	
142	Võ Thị Ái Vân	V.08.08.23	3,65		0,20				40%	1,46	5,31	12.425.400	0	0	33.429	683.280	128.115	85.410	11.495.166	Ct 1,5 ngày
143	Nguyễn Thị Vân	V.08.08.22	2,67						40%	1,07	3,74	8.746.920	0	0	0	499.824	93.717	62.478	8.090.901	
144	Nguyễn Đình Cường	V.08.08.22	2,67						40%	1,07	3,74	8.746.920	0	0	0	499.824	93.717	62.478	8.090.901	
145	Nguyễn Thị Hóa	V.08.05.13	3,65						40%	1,46	5,11	11.957.400	0	0	0	683.280	128.115	85.410	11.060.595	
146	Nguyễn Thành Hoàng	V.08.05.12	4,32		0,20				40%	1,73	6,25	14.620.320	0	0	0	808.704	151.632	101.088	13.558.896	
147	Ngô Thị Minh Thao	V.08.05.12	4,32		0,00				40%	1,73	6,05	14.152.320	0	0	0	808.704	151.632	101.088	13.090.896	
148	Huỳnh Văn Tân	V.08.07.18	4,32		0,30				40%	1,73	6,35	14.854.320	0	0	50.143	808.704	151.632	101.088	13.742.753	P 1,5 ngày
149	Nguyễn Thanh Yên	V.08.07.18	3,99		0,20				40%	1,60	5,79	13.539.240	0	0	162.783	746.928	140.049	93.366	12.396.114	P 8 ngày
150	Nguyễn Hồng Văn	V.08.07.18	4,98		0,30		5%	0,2490	60%	3,14	8,67	20.279.376	0	0	334.286	978.869	183.538	122.359	18.660.324	P 10 ngày
151	Lê Thị Hồng Nhung	V.08.07.18	3,66		0,30				70%	2,56	6,52	15.261.480	0	0	0	685.152	128.466	85.644	14.362.218	
152	Nguyễn Thị Thật	V.08.06.16	3,65						40%	1,46	5,11	11.957.400	0	0	0	683.280	128.115	85.410	11.060.595	
153	Phan Thị Thủy	V.08.06.16	3,65		0,10				40%	1,46	5,21	12.191.400	0	0	22.286	683.280	128.115	85.410	11.272.309	P 2 ngày

154	Nguyễn Thị Ánh Trúc	V.08.06.13	3,65		0,10				40%	1,46	5,21	12.191.400	0	0	22.286	683.280	128.115	85.410	11.272.309	P 2 ngày	
155	Trần Thành Kiêm	V.08.07.19	3,96		0,40				40%	1,58	5,94	13.908.960	0	0	222.857	741.312	138.996	92.664	12.713.131	P 5 ngày	
156	Hồ Dương Phúc	V.08.03.07	3,66		0,10				40%	1,46	5,22	12.224.160	0	0	33.429	685.152	128.466	85.644	11.291.469	Vr 3 ngày	
157	Trần Thị Phương	V.08.07.18	3,66		0,20				40%	1,46	5,32	12.458.160	0	0	133.714	685.152	128.466	85.644	11.425.184	P 6 ngày	
158	Nguyễn Hữu Quảng	V.08.07.18	3,00		0,40				40%	1,20	4,60	10.764.000	0	0	203.478	561.600	105.300	70.200	9.823.422	P 5 ngày	
159	Đặng Vũ	V.08.07.19	3,34		0,40				40%	1,34	5,08	11.877.840	0	0	284.870	625.248	117.234	78.156	10.772.332	P 7 ngày	
	Phần III		208,13	0,00	7,20	0,90	0,16	0,70	24,50	86,32	303,24	709.592.458	2.135.250	2.135.250	4.812.990	39.092.153	7.329.779	4.886.519	651.335.767		
	Tổng cộng I+II+III		579,83	11,90	18,00	5,20	0,28	1,29	62,50	236,83	853,05	1.996.129.934	2.135.250	2.135.250	8.701.845	111.013.195	20.814.975	13.876.649	1.839.588.020		

Tổng số tiền bằng chữ : Một tỷ tám trăm ba mươi chín triệu năm trăm tám mươi tám nghìn không trăm hai mươi đồng chẵn.

Đơn vị: TTYT Hoài Nhơn

Mẫu số: C02 - HD

Mã QHNS: 1047707

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN PHỤ CẤP THEO LƯƠNG

CÁC KHOẢN TRÍCH NỘP THEO LƯƠNG (2.340.000)

Tháng 02 năm 2026

ĐVT: đồng																				
STT	Họ và tên	Mã ngạch	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp chức vụ	Phụ cấp độc hại	Phụ cấp trách nhiệm	% PCTNV K	Phụ cấp TNVK	% PCƯĐN	Phụ cấp Ưu đãi nghề	Cộng hệ số	Tiền lương tháng	Số tiền nghỉ ốm đau, thai sản	Tổng tiền các khoản phải trừ nghỉ ốm đau, TS	Nghỉ việc không được hưởng các khoản PC khác	BHXH	BHYT	BHTN	Số thực lĩnh	Ghi chú
													Lương			Trừ vào lương (8%)	Trừ vào lương (1,5%)	Trừ vào lương (1%)		
A	B	C	1	2	6	7	8	9	10	11	12	13	14	17	18	20	22	24	26	D
1	Nguyễn Tấn Trung	1.005	4,03				5%	0,20	20%	0,85	5,08	11.882.052	0	0		792.137	148.526	99.017	10.842.372	Tăng PCTNVK
	Cộng		4,03	0,0	0,0	0,0		0,20		0,85	5,08	11.882.052	0	0	0	792.137	148.526	99.017	10.842.372	

Tổng số tiền bằng chữ : Mười triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm bảy mươi hai đồng chẵn.